

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN
SAIGON BEER-ALCOHOL-BEVERAGE
CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence-Freedom-Happiness**

Số/No: **717**/BSG-KTTK
Giải trình BCTC riêng Quý 3 năm 2025
*Explanation of the separate FS
of 3rd quarter 2025*

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày **28** tháng 10 năm 2025
Ho Chi Minh City, October **28** 2025*

Kính gửi/To: - Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*

Tên tổ chức : **Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn**
Organization name : Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation
Mã chứng khoán : **SAB**
Security symbol : SAB
Địa chỉ : **187 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TPHCM**
Address : 187 Nguyen Chi Thanh, Cho Lon Ward, Ho Chi Minh City

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn giải trình Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2025 cụ thể như sau:

Pursuant to the Finance Ministry's Circular No.96/2020/TT-BTC on the disclosure of information. Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation (SABECO) explained the separate financial statement of the 3rd quarter 2025 as follow:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
Separate income statement:

(Đơn vị tính: VNĐ)

KHOẢN MỤC/ ITEMS	For the 09 month period ended 30 September		Tăng/ Increase, Giảm/ Decrease	Tỷ lệ / Percent
	2025	2024		
A	1	2	3=(1-2)	4=(3/2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Revenue from sales of goods and provision of services	27,499,659,432,463	28,544,068,329,653	(1,044,408,897,190)	-4%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu/ Revenue deductions	2,004,467,404		2,004,467,404	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ Net revenue	27,497,654,965,059	28,544,068,329,653	(1,046,413,364,594)	-4%
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp/ Cost of goods sold and services provided	23,254,318,371,048	24,341,899,613,264	(1,087,581,242,216)	-4%
5. Lợi nhuận gộp/ Gross Profit	4,243,336,594,011	4,202,168,716,389	41,167,877,622	1%
6. Doanh thu hoạt động tài chính/ Financial Income	2,375,104,296,573	2,679,003,428,711	(303,899,132,138)	-11%



7. Chi phí tài chính/ Financial Expenses	127,934,467,374	22,213,669,710	105,720,797,664	476%
8. Chi phí bán hàng/ Selling expenses	2,403,250,210,310	2,301,559,509,539	101,690,700,771	4%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp/ General and administration expenses	377,474,461,972	328,895,421,994	48,579,039,978	15%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Net operating profit	3,709,781,750,928	4,228,503,543,857	(518,721,792,929)	-12%
11. Thu nhập khác/ Other income	1,427,398,370	4,061,366,710	(2,633,968,340)	-65%
12. Chi phí khác/ Other expenses	2,684,852,565	5,523,546,120	(2,838,693,555)	-51%
13. Lợi nhuận khác/ Results of other activities	(1,257,454,195)	(1,462,179,410)	204,725,215	-14%
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế/ Accounting profit before tax	3,708,524,296,733	4,227,041,364,447	(518,517,067,714)	-12%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành/ Income tax expense – current	381,447,960,624	425,857,966,748	(44,410,006,124)	-10%
16. Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại/ Income tax expense/(benefit) – deferred	43,480,373,635	53,868,211,000	(10,387,837,365)	-19%
17. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp/ Net profit after tax	3,283,595,962,474	3,747,315,186,699	(463,719,224,225)	-12%

Giải trình/ Explanation:

Doanh thu thuần thấp hơn cùng kỳ chủ yếu do sự sụt giảm sản lượng vì thời điểm Tết khác nhau (tháng 01/2025 so với tháng 02/2024), và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Điều này dẫn đến lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế thấp hơn. Kết quả kinh doanh thấp cũng đến từ việc doanh thu hoạt động tài chính thấp hơn; chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.

Net sales were lower than the previous year, primarily due to a decline in volume driven by the timing of TET (Jan 2025 versus Feb 2024), and heightened competition in the market. It has resulted in lower gross profit and profit after tax. The low performance was also contributed by lower financial income; the increase in financial expenses, selling and G&A expenses.

Trên đây là giải trình của SABECO báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về sự thay đổi các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2025 của SABECO.

The above explanations are for SABECO report to the State Securities Commission and Ho Chi Minh Stock Exchange about the changes of financial indicators on Sabeco's separate financial statement of the 3rd quarter 2025.

Trân trọng./.
Yours Sincerely./.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above*;
- CTHĐQT / *Chairman*;
- Lưu: VT/ *Save at the Office*.



TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

Tan Teck Chuan Lester

